

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 32/2025/LĐ-ST

Ngày: 20-5-2025

V/v: “*Tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thanh Lan – Phó chủ tịch liên đoàn lao động thành phố Bến Cát;

2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường N, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thanh B1, sinh năm 1983; Địa chỉ: 3, đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH S (Theo giấy uỷ quyền đề ngày 08/4/2025). Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn B2, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 18/2/2025 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trương Văn B trình bày:

Từ tháng 06/2006 đến tháng 8/2007, ông làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn R tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; Từ 06/2008 đến tháng 03/2009, ông làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, địa chỉ tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian làm việc tại 02 Công ty này, ông tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số 9106094143. Ngày 19/4/2010, ông đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần với số tiền 3.546.321 đồng.

Sau đó từ tháng 05/2010 liên tục đến tháng 07/2017, ông là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; Từ tháng 08/2017 đến tháng 7/2023, ông làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q thuộc khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian làm việc tại 02 Công ty này, ông có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số là 7410160899 do Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương cấp (cấp lần 2). Hiện nay chưa hưởng.

Giữa ông và ông Trương Văn B2 là anh em ruột. Vào tháng 05/2008 do Trương Văn B2 chưa đủ tuổi để đi xin việc làm (16 tuổi) nên ông có cho ông B2 mượn hồ sơ xin việc làm mang tên của ông (Trương Văn B) để đi xin việc làm gồm: Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú, Giấy xác nhận hạnh kiểm và CMND mang tên Trương Văn B (số CMND 371196736) để ông B2 đi xin việc làm tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Sau đó ông B2 được Công ty TNHH S tuyển dụng vào làm việc với chức danh là công nhân và tham gia ký hợp đồng lao động. Ông Trương Văn B2 vào Công ty TNHH S làm việc và lấy tên của ông (Trương Văn B) và có ký kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S, ông B2 lấy tên hồ sơ Trương Văn B làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008. Hiện nay, ông không có hợp đồng lao động này để cung cấp cho Tòa án.

Trong thời gian ông B2 lấy tên ông B làm việc từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008, Công ty TNHH S có đóng bảo xã hội theo quy định với tên hồ sơ bảo hiểm xã hội là Trương Văn B. Mã số bảo hiểm xã hội là 7408140706.

Về phần ông, sau khi nghỉ làm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q, ông đã liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để nhận tiền bảo hiểm xã hội thì được biết mã số bảo hiểm xã hội 9106094143 do Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình

Dương cấp cho ông bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm xã hội 7408140706 cũng với tên Trương Văn B nhưng trên thực tế ông không làm việc tại đây mà là ông B2.

Việc ông đã cho em ruột mình mượn hồ sơ xin việc để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S, được Công ty TNHH S đóng bảo hiểm xã hội với tên là Trương Văn B dẫn đến trên hệ thống bảo hiểm xã hội ông tham gia bằng 02 mã số bảo hiểm xã hội là 7408140706 và 9106094143 và bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội. Vì bị đóng trùng nên ông không thể làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được. Điều này dẫn đến quyền lợi của ông bị xâm phạm.

Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Trương Văn B (do Trương Văn B2 mượn hồ sơ tên ông) và Công ty TNHH S vô hiệu toàn bộ do trái pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH S vắng mặt nhưng trong quá trình tham gia tố tụng có lời khai và văn bản trình bày cụ thể như sau:

Công ty TNHH S xác nhận vào thời điểm từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 ông Trương Văn B có làm việc tại Công ty TNHH S, phía Công ty có tuyển dụng và nhận được hồ sơ xin tuyển dụng của người lao động có thông tin: Đơn xin việc và các giấy tờ tùy thân mang tên Trương Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (số CMND 371196736), địa chỉ làm việc tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Sau khi tuyển dụng vào làm việc, phía công ty có ký kết hợp đồng lao động với ông Trương Văn B, vị trí làm việc tại bộ phận cắt gỗ, chà nhám, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008, sổ bảo hiểm số 7408140706.

Sau đó người lao động tên Trương Văn B tự nghỉ việc. Do thời gian đã lâu và qua nhiều lần thay thế nhân sự phụ trách lưu kho, sổ sách và đợt bạo loạn ngày 13/5/2014 bị đốt cháy nên hồ sơ của người lao động tên Trương Văn B phía công ty không còn lưu trữ bất cứ hồ sơ nào liên quan.

Việc ông Trương Văn B2 lấy tên hồ sơ Trương Văn B để xin việc tại Công ty thì Công ty không biết. Công ty Q1 thông qua giấy tờ tùy thân, hồ sơ lý lịch có liên quan và đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Phía công ty không xác định được người lao động thực tế đã làm việc tại công ty C có đúng với người lao động có thông tin thật như thể hiện trong hợp đồng lao động hay không vì khi tham gia giao kết hợp đồng lao động thì công ty tuyển dụng dựa trên giấy tờ tùy thân. Đến khi công ty nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc trùng bảo hiểm xã hội đối với người lao động có tên Trương Văn B thì công ty mới được biết sự việc nêu trên.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phía bị đơn đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý huỷ hợp đồng lao động được ký kết giữa ông

Trương Văn B (do ông Trương Văn B2 mượn hồ sơ) và Công ty TNHH S là vô hiệu do người lao động đã lừa dối khi tham gia giao kết hợp đồng. Công ty TNHH S không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn B2 vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng, có văn bản trình bày tóm tắt như sau:

Giữa ông và ông B là anh em ruột. Vào tháng 05/2008, do chưa đủ tuổi nên ông có mượn của anh trai mình là ông Trương Văn B hồ sơ xin việc làm mang tên Trương Văn B để đi xin việc làm gồm: Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú, Giấy xác nhận hạnh kiểm và CMND mang tên Trương Văn B (số CMND 371196736) và xin việc làm tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Sau đó, được Công ty TNHH S tuyển dụng vào làm việc tại bộ phận cắt gỗ, chà nhám với chức danh là công nhân với tên Trương Văn B.

Ông lấy hồ sơ mang tên Trương Văn B để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S, thời gian làm việc tại Công ty từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008. Hiện nay đã lâu nên ông không lưu giữ bản hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án, cũng không nhớ hợp đồng có thời hạn bao lâu, loại hợp đồng lao động nào.

Trong thời gian làm việc 06 tháng tại Công ty TNHH S, Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho ông theo quy định với tên hồ sơ bảo hiểm xã hội là Trương Văn B. Mã số bảo hiểm xã hội là 7408140706.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa Trương Văn B (do Trương Văn B2 mượn hồ sơ với tên Trương Văn B để giao kết) và Công ty TNHH S vô hiệu toàn bộ do trái pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng có văn bản trình bày cụ thể tại Công văn số 102/CV-BHXXH đề ngày 05/5/2025 như sau:

Công ty TNHH S1 đóng Bảo hiểm xã hội (BHXXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) cho thông tin Trương Văn B, sinh năm 1988, số Chứng minh nhân dân 371196736, với mã số BHXXH: 7408140706 và mức lương cụ thể như sau:

Từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008, làm việc tại Công ty TNHH S1, địa chỉ: đường N, KCN M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Tổng thời gian tham gia là 06 tháng. Mức đóng 1.011.000 đồng, mức lương 1.011.000 đồng. Mã số 7408140706 chưa hưởng BHXXH 1 lần, trợ cấp thất nghiệp.

Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không ai cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”. Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2019 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Trương Văn B với Công ty TNHH S là vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn ông B và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Từ tháng 06/2006 đến tháng 8/2007, ông B làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn R, địa chỉ tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; Từ 06/2008 đến tháng 03/2009, ông B làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, địa chỉ tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian làm việc tại 02 Công ty này, ông B tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số 9106094143.

Sau đó, từ tháng 05/2010 liên tục đến tháng 07/2017, ông B là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, địa chỉ tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; Từ tháng 08/2017 đến tháng 7/2023, ông B làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q, địa chỉ tại khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian làm việc tại 02 Công ty này, ông có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số là 7410160899.

Trước đó vào tháng 05/2008 do em trai của mình là Trương Văn B2 chưa đủ tuổi để đi xin việc làm nên ông có cho ông B2 mượn chứng minh nhân dân số 371196736 và hồ sơ xin việc làm mang tên của ông (Trương Văn B) để ông B2 đi xin việc làm tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Ông B2 được tuyển dụng vào Công ty và ngay sau đó giữa ông B2 (lấy tên hồ sơ Trương Văn B) và Công ty TNHH S ký Hợp đồng lao động và được Công ty TNHH S đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008, sổ bảo hiểm số 7408140706 với tên Trương Văn B.

Theo lời trình bày của ông B2 cho thấy: Tên thật của ông là Trương Văn B2, sinh năm 1993 nhưng hồ sơ đi làm tại Công ty TNHH S là Trương Văn B, sinh năm 1988. Ngoài ra, ông B trình bày ông chưa từng làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S. Xét thấy, lời trình bày này phù hợp với kết quả thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án từ Công ty TNHH S và phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương cung cấp cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ theo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm xã hội số 9106094143 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Thực tế từ tháng 06/2006 liên tục đến tháng 03/2009 ông B làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn R và tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Ông B có tham gia đóng bảo hiểm xã hội, sổ sổ bảo hiểm xã hội là 9106094143. Chính việc ông B cho ông B2 mượn hồ sơ mang tên của mình để ông B2 xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S, được Công ty này đóng bảo hiểm xã hội với mã số 7408140706 trong toàn bộ thời gian làm việc tại đây, dẫn đến hệ quả trên hệ thống bảo hiểm xã hội bị trùng giữa 02 mã số bảo hiểm xã hội là 9106094143 và 7408140706 từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008. Sự việc xảy ra này xuất phát từ việc ông B2 đã sử dụng hồ sơ, chứng minh nhân dân mang tên của ông Trương Văn B để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S. Điều này cũng được ông Bằng thừa N trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, được phía Công ty xác nhận có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Trương Văn B trong thời gian làm việc từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008, sổ sổ bảo hiểm số 7408140706.

Mặt khác, cùng thời điểm ông B2 lấy tên hồ sơ Trương Văn B làm việc từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 tại Công ty TNHH S và tham gia bảo hiểm xã hội thì ông B cũng làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ 06/2008 đến tháng 03/2009 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, địa chỉ tại Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương với mã số bảo hiểm xã hội là 9106094143. Ông B khẳng định chưa từng làm việc tại Công ty TNHH S. Điều này cho thấy: Người thực tế giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 không phải là ông Trương Văn B mà là ông Trương Văn B2 nhưng lại lấy tên hồ sơ Trương Văn B để tham gia ký kết hợp đồng lao động, tham gia đóng B (mã số sổ 7408140706 mang tên Trương Văn B).

Như vậy, sự việc này được các bên đương sự thừa nhận và không ai phản đối, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hợp đồng lao động: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai cung cấp được hợp đồng lao động, tuy nhiên dựa trên kết quả cung cấp của cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương cung cấp có thông tin người lao động tên Trương Văn B có tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 với mã số bảo hiểm xã hội 7408140706.

Các đương sự cho rằng có ký kết hợp đồng lao động nhưng hiện không còn bản hợp đồng lao động nào để cung cấp do đã bị thất lạc, không còn lưu trữ. Tuy nhiên căn cứ Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội như sau: *“Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ ba tháng trở lên...”*. Như vậy, tại thời điểm này giữa ông B2 (tên hồ sơ Trương Văn B và Công ty TNHH S có ký kết hợp đồng lao động thì Công ty mới làm thủ tục để tham gia bảo hiểm xã hội. Do đó, có căn cứ xác định tại thời điểm từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 giữa Công ty TNHH S và ông B2 (lấy tên hồ sơ Trương Văn B) có quan hệ lao động và xác lập hợp đồng lao động.

Từ những phân tích, đánh giá và chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định: Chủ thể ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 trong trường hợp này là ông Trương Văn B2, không phải là ông Trương Văn B. Việc ông B2 đã mượn hồ sơ mang tên của ông B để tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là vi phạm nguyên tắc trung thực trong cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động và không đúng chủ thể giao kết hợp đồng, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Hậu quả dẫn đến trên hệ thống bảo hiểm xã hội bị trùng giữa 02 mã số bảo hiểm xã hội là 9106094143 và 7408140706 từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Vì vậy nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B, cần tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa Trương Văn B và Công ty TNHH S là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối khi tham gia giao kết hợp đồng.

[5] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; 273; 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006;

Áp dụng khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50; Điều 220 của Bộ luật lao động năm 2019;

Áp dụng Điều 26, 27, 29, 30 của Bộ luật lao động năm 1994;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn B đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa ông Trương Văn B (do Trương Văn B2 lấy tên Trương Văn B khi giao kết) và Công ty TNHH S vô hiệu.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

